

Số: /TNI-NVDTPC

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

V/v tuyên truyền một số nội dung
của Thông tư số 21/2026/TT-BTC

Kính gửi: Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Thực hiện Thông tư số 21/2026/TT-BTC ngày 17/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/3/2026.

Thuế tỉnh Tây Ninh triển khai một số nội dung cần lưu ý của Thông tư 21/2026/TT-BTC như sau:

1. Về hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất:

Thông tư số 21/2026/TT-BTC chỉ quy định hồ sơ miễn tiền thuê đất một số năm, giảm tiền thuê đất đối với **04 trường hợp** được quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ. Cụ thể là:

1.1. Trường hợp 1: Được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hoả hoạn (khoản 3 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP). **Hồ sơ gồm có:**

a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư.

b) Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản theo mẫu số 02/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư (không cần xác nhận của đại diện chính quyền).

Cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ, giá trị thiệt hại là cơ quan tài chính hoặc các cơ quan giám định xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản.

Trường hợp thiệt hại về hàng hoá: Người nộp thuế cung cấp Biên bản giám định (chứng thư giám định) về mức độ thiệt hại của cơ quan giám định và cơ quan giám định phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của kết quả và kết luận trong chứng thư giám định theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao tài liệu chứng minh về các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trong trường hợp người thuê đất có nhận được khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật);

d) Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Trường hợp 2: Được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh (trừ dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối) nhưng phải tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc do tai nạn bất khả kháng theo (khoản 4 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP).

Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư;

b) Bản sao văn bản xác nhận về thời gian tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký đầu tư hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác định thời gian tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định;

c) Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Trường hợp 3: Đối với tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các địa bàn có địa giới hành chính thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn (khoản 5 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP).

Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư;

b) Văn bản của tổ chức, đơn vị thông tin về: Tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số, số lao động là người dân tộc thiểu số bình quân năm và số lao động có mặt làm việc thường xuyên bình quân năm. Tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp nêu trên;

c) Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Trường hợp 4: Đối với tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người khuyết tật được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sử dụng vào

mục đích sản xuất, kinh doanh (khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP).

Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư;

b) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc văn bản của tổ chức, đơn vị thông tin về tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người khuyết tật của năm trước liền kề năm phải nộp tiền thuê đất. Tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người khuyết tật chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp nêu trên;

c) Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất:

Bãi bỏ Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC để phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

3. Về xử lý chuyển tiếp về hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

Thông tư quy định, trong thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành trình tự, thủ tục hành chính về đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại Điều 59, Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC hoặc quyết định hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Về khai thuế thu nhập doanh nghiệp:

4.1. Ban hành mẫu tờ khai mới thay thế Mẫu 02, Mẫu 05 (Theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC).

4.2. Đồng thời bổ sung quy định xử lý chuyển tiếp đối với trường hợp doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ có hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký trước ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp nước ngoài thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Thuế tỉnh Tây Ninh phổ biến đến người nộp thuế trên địa bàn tỉnh được biết và nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 21/2026/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tây Ninh (p/h tuyên truyền);
- BLĐ Thuế tỉnh;
- Trang web Thuế tỉnh;
- Văn phòng, các phòng và các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh (tuyên truyền, hướng dẫn NNT thực hiện);
- Lưu: VT, NVDTPC, NT.

NNT quét mã QR để xem toàn văn Thông tư:



**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Nguyễn Ngọc Minh Sang